

Bản án số: 72/2020/DS- ST

Ngày: 07/7/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

2. Ông Huỳnh Lý Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ trụ sở: Đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của nguyên đơn: Ông Phạm Trường Th, sinh năm: 1994; địa chỉ: đường L, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1609/2019/UQ-TTT ngày 24/9/2019)

Ông Phạm Trường Th vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Hữu Ph, sinh năm: 1976; Địa chỉ: đường L, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23/9/2008, ông Trần Hữu Ph có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân cho ông Ph.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/10/2011, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/11/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng S – ông Phạm Trường Th yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Trần Hữu Ph trả một lần cho Ngân hàng S toàn bộ số tiền là 22.291.057 đồng (trong đó nợ gốc là 4.854.097 đồng; lãi quá hạn là 17.436.960 đồng) tính tới ngày 07/7/2020.

Kể từ ngày 08/7/2020 trở đi, ông Ph vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/5/2020, Ngân hàng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

** Đối với bị đơn – ông Trần Hữu Ph:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ph vẫn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng S đối với ông Trần Hữu Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Trần Hữu Ph có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/9/2008, nên có cơ sở xác định giữa ông Ph và Ngân hàng có giao kết hợp đồng vay tài sản. Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Ph là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường D, Quận H: “Đ/s Trần Hữu Ph, SN 1976, nhập hộ khẩu thường trú tại số đường L, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/01/2008. Nhưng năm 2017 bán nhà tạm trú số đường T, phường Th, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh. Trong thời gian ở địa phương không vi phạm gì.”; và kết quả xác minh của Công an Phường Th, Quận P:

“Qua rà soát trên địa bàn Phường Th không có số nhà số đường T, phường Th, Quận P”.

Tòa án có cơ sở xác định ông Ph có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: đường L, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Ph là người phải thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nhưng ông Ph chuyển chỗ ở không báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về người tham gia tố tụng*: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Trường Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Hữu Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

Ngân hàng S buộc ông Trần Hữu Ph trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 4.854.097 đồng; nợ lãi quá hạn tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 17.436.960 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng và bị đơn ông Trần Hữu Ph có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/9/2008. Nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân cho ông Ph. Ngoài ra, trong Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng S dưới sự đồng ý của Ngân hàng S còn có các điều khoản liên quan đến sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, các loại phí,

Ngân hàng và ông Ph ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bị đơn sử dụng thẻ nhưng thanh toán không đầy đủ cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 23 của hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết quy định về Phương thức thanh toán.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc là 4.854.097 đồng; nợ lãi quá hạn tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 17.436.960 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Hữu Ph phải trả cho Ngân hàng S số tiền 22.291.057 đồng (gồm số tiền nợ gốc là 4.854.097 đồng; nợ lãi quá hạn tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 17.436.960 đồng) một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Ph còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 23/9/2008 được ký giữa ông Ph và Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn – ông Trần Hữu Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.114.553 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 516.706 đồng cho Ngân hàng S theo biên lai thu số AA/2019/0015159 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

2. Buộc ông Trần Hữu Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 22.291.057 đồng (gồm số tiền nợ gốc là 4.854.097 đồng; nợ lãi quá hạn tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 17.436.960 đồng). Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/7/2020, ông Trần Hữu Ph còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/9/2008 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có hiệu lực từ ngày 01/6/2010) được ký kết giữa ông Trần Hữu Ph với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.114.553 (một triệu một trăm mười bốn nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 516.706 (năm trăm mười sáu nghìn đồng bảy trăm lẻ sáu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0015159 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng S, bị đơn Trần Hữu Ph vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Diệp